| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 40 /2023/QĐ-UBND | *Gia Lai, ngày 17 tháng 10 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân và hộ dân cư sử dụng nước sạch sinh hoạt đô thị của đơn vị cấp nước.

b) Đơn vị cấp nước.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị**

1. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị đối với các hộ dân cư người đồng bào dân tộc thiểu số là: 5.352 đồng/$m^3$.

2. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị đối với các hộ dân cư khác

a) Mức dưới 10 $m^3$/đồng hồ/tháng: 7.136 đồng/$m^3$.

b) Mức từ 10 $m^3$ - 20 $m^3$/đồng hồ/tháng: 8.920 đồng/$m^3$.

c) Mức từ trên 20 $m^3$ - 30 $m^3$/đồng hồ/tháng: 10.704 đồng/$m^3$.

d) Mức từ trên 30 $m^3$/đồng hồ/tháng: 11.596 đồng/$m^3$.

3. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị đối với cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận): 10.704 đồng/$m^3$.

4. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị đối với tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất : 12.042 đồng/$m^3$.

5. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ: 12.042 đồng/$m^3$.

6. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này chưa có thuế Giá trị gia tăng và các loại phí.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku phối hợp kiểm tra việc thực

hiện quy định về giá nước sạch sinh hoạt quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2023.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku; Thủ trưởng đơn vị cấp nước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đ/c Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, CNXD, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT.CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**




**Nguyễn Hữu Quế**